| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 9 - VĨNH LONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: **17**/2026/DS-ST
Ngày: 22-01-2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - VĨNH LONG**

***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Hoàng Kim Sang
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Bà Nguyễn Thị Thùy Dương
2. Bà Đinh Thị Thanh Tuyền

***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 303/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 276/2025/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2026/QĐST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đặng Chí Đ, sinh năm 1967; Địa chỉ: Ấp P, xã A, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị K, sinh năm 1980; Địa chỉ: Ấp P, xã A, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt không lý do lần thứ 2.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1982; Địa chỉ: Ấp P, xã A, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt không lý do lần thứ 2.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/11/2025, bản tự khai và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn ông Đặng Chí Đ trình bày:*

Do quen biết nhau nên ngày 07/10/2023 (âm lịch), nhằm ngày 19/11/2023 (dương lịch), bà Lê Thị K có gặp ông để hỏi vay số tiền 30.000.000 đồng. Mục

đích bà K vay tiền của ông là để làm ăn kinh doanh tạo thu nhập trong gia đình. Ông đồng ý cho bà K vay, ông đưa tiền mặt trực tiếp 30.000.000 đồng. Lãi suất thỏa thuận bằng lời nói là 600.000 đồng/tháng. Thời hạn vay là 03 tháng, tức vào ngày 19/02/2024 bà K phải trả tiền lại cho ông. Khi cho vay có viết giấy nợ có tiêu đề "Giấy mượn tiền" có chữ ký xác nhận của bà K. Từ ngày vay cho đến nay, bà K không trả lãi cho ông. Đến ngày trả tiền, bà K liên tục hứa hẹn nhưng không trả. Ông đến nhà gặp thì bà K hứa đến ngày 06/01/2025 sẽ trả cho ông nhưng từ đó cho đến nay bà K không trả cho ông số tiền nào.

Do bà K vay tiền của ông để làm kinh doanh tạo thu nhập trong gia đình nên ông Nguyễn Văn H là chồng của bà K có nghĩa vụ liên đới cùng với bà K trả cho ông số tiền vay 30.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh.

Tại đơn khởi kiện, ông khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Lê Thị K và ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông số tiền vốn vay 30.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày 19/11/2023 cho đến ngày Tòa án xét xử xong với mức lãi suất 0,83%/tháng.

Tại phiên tòa, ông thay đổi yêu cầu khởi kiện so với đơn khởi kiện đề ngày 13/11/2025. Nay ông yêu cầu vợ chồng bà Lê Thị K và ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông số tiền vốn vay 30.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày 20/02/2024 cho đến ngày Tòa án xét xử xong với mức lãi suất 0,83%/tháng. Ông không yêu cầu tính lãi từ ngày 19/11/2023 đến ngày 19/02/2024.

*Bị đơn bà Lê Thị K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày của bà K và ông H.*

*Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long phát biểu quan điểm:*

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử là đảm bảo đúng pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đảm bảo. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72,73 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Chí Đ.

Buộc bà Lê Thị K và ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông Đặng Chí Đ số tiền vốn vay là 30.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 20/02/2024 đến ngày Tòa xét xử theo mức lãi suất 0,83%/tháng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long nhận định:

**[1] Về tố tụng:**

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án cần phải giải quyết, Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án xác định bị đơn bà Lê Thị K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H có nơi cư trú tại xã A, tỉnh Vĩnh Long nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long. Vì vậy, Tòa án nhân khu vực 9 – Vĩnh Long thụ lý và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[1.2] Đối với bị đơn bà Lê Thị K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do lần thứ hai nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà K và ông H là phù hợp.

[1.3] Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đặng Chí Đ thay đổi yêu cầu khởi kiện so với đơn khởi kiện đề ngày 13/11/2025. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này của ông Đ là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[2] **Về nội dung vụ án:**

[2.1] Đối với số tiền vốn vay: Nguyên đơn ông Đặng Chí Đ khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Lê Thị K phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Đ số tiền vốn vay là 30.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, ông Đ đã cung cấp cho Tòa án bản gốc tờ giấy không có tiêu đề do bà K tự viết và ký tên, có nội dung ghi *"Tôi tên Lê Thị K sinh năm 1980 Hôm nay ngày 07 tháng 10 năm 2023 Tôi có mượn số tiền của ông (bà) Đặng Chí Đ là 3 mươi triệu…"*.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp, lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện ông Đ có cho bà K vay tiền là có thật. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo của nguyên đơn giao nộp cho bà K để bà K biết và nêu ý kiến. Bà K đã được nhận tất cả văn bản tố

tụng của Tòa án cũng như các tài liệu, chứng cứ nêu trên nhưng bà K không đến Tòa án cho lời khai, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án xem xét và cũng không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp. Từ đó cho thấy, bà K không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản mà nguyên đơn đưa ra. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là tình tiết sự kiện nguyên đơn không phải chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà K có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Đ số tiền vốn vay 30.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn ông Đ yêu cầu tính lãi từ ngày 20/02/2024 cho đến ngày Tòa án xét xử với mức lãi suất 0,83%/tháng.

Xét thấy, căn cứ vào giấy có tiêu đề "Giấy mượn tiền" thể hiện các bên thỏa thuận thời hạn vay là 03 tháng tính từ ngày 07/10/2023 (âm lịch), nhằm ngày 19/11/2023 (dương lịch). Ngày 19/02/2024, đến hạn thanh toán nhưng bà K không thực hiện nghĩa vụ nên bà K phải chịu lãi chậm trả tính từ ngày 20/02/2024 đến ngày Tòa xét xử. Theo khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định *"Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này".* Vì vậy, tiền lãi chậm trả được tính từ ngày 20/02/2024 đến ngày Tòa xét xử (ngày 22/01/2026) với mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp, cụ thể: (30.000.000 đồng x 0,83%) x 23 tháng 02 ngày = 5.744.000 đồng.

[2.3] Xét yêu cầu liên đới: Ông Đ yêu cầu ông Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà K hoàn trả số tiền nợ vay và tiền lãi. Xét thấy, ông H và bà K có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên là vợ chồng hợp pháp, thời gian diễn ra giao dịch vay tài sản giữa bà K và ông Đ thì ông H và bà K vẫn còn tồn tại hôn nhân. Từ đó đến nay, ông H và bà K không có thỏa thuận nào về việc phân chia tài sản chung hay tách bạch việc làm ăn kinh tế riêng, độc lập với nhau. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án kèm theo các tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn giao nộp để ông H biết và nêu ý kiến nhưng ông H không đến Tòa án cho lời khai, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án xem xét và cũng không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông H có nghĩa vụ liên đới cùng bà K hoàn trả cho ông Đ số tiền nợ vay và tiền lãi như trên là phù hợp theo quy định tại các Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.4] Như vậy, tổng số tiền vốn vay và lãi bà K và ông H có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông Đ là 35.744.000 đồng. Trong đó: Tiền vốn vay là 30.000.000 đồng; Tiền lãi là 5.744.000 đồng.

**[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:** Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Chí Đ được chấp nhận toàn bộ nên căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị đơn bà Lê Thị K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền có nghĩa vụ hoàn trả: 35.744.000 đồng x 5% = 1.787.000 đồng.

**[4]** Xét về quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long là phù hợp hoàn toàn với nhận định của Tòa nên được chấp nhận toàn bộ.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đặng Chí Đ.

Buộc bà Lê Thị K và ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông Đặng Chí Đ tổng số tiền vốn vay và lãi là 35.744.000 đồng (Ba mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn đồng). Trong đó: Tiền vốn vay là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng); Tiền lãi là 5.744.000 đồng (Năm triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Lê Thị K và ông Nguyễn Văn H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 1.787.000 đồng (Một triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn đồng)

2.2. Hoàn trả cho ông Đặng Chí Đ số tiền tạm ứng án phí 894.000 đồng (T trăm chín mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009396 ngày 13/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- VKSND khu vực 9 - Vĩnh Long (2b);
- THADS tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Các đương sự (3b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hoàng Kim Sang**